

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC VŨNG TÀU - CÔN ĐẢO

● ĐÀO THỊ THIẾT - LÊ THỊ TUYẾT NHUNG

TÓM TẮT:

Đất đai là nguồn tài nguyên vô giá của bất kỳ quốc gia nào. Tuy nhiên, làm thế nào để có thể quản lý việc sử dụng đất đai một cách hiệu quả, đồng thời điều tiết được các nguồn lợi từ đất đai một cách hợp lý, hỗ trợ cho việc tăng thu cho Ngân sách Nhà nước là điều mà các quốc gia đều quan tâm. Qua gần 10 năm triển khai, chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPN) đã mang lại những hiệu quả tích cực, bên cạnh đó vẫn bộc lộ một số bất cập. Bài viết này tập trung vào việc đánh giá chung công tác quản lý thuế SDĐPN tại Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo, từ đó xác định những hạn chế còn tồn tại để có phương hướng khắc phục trong tương lai.

Từ khóa: quản lý thuế, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo.

1. Tổng quan về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Luật Thuế SDĐPN bắt đầu triển khai thực hiện từ năm 2012, thay thế cho Pháp lệnh Thuế nhà, đất năm 1992 và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thuế nhà, đất năm 1994. Theo đó, “nhà” được loại bỏ khỏi đối tượng chịu thuế, đất phi nông nghiệp trở thành đối tượng chịu thuế của sắc thuế này. Việc áp dụng Luật Thuế SDĐPN thay thế cho Luật Thuế nhà, đất trước đây nhằm đạt được 3 mục tiêu chính như sau: (1) Khuyến khích việc sử dụng đất tiết kiệm và hiệu quả; (2) Động viên sự đóng góp hợp lý của người sử dụng đất vào Ngân sách Nhà nước (NSNN); và (3) Xây dựng một sắc thuế dễ thực hiện, dễ quản lý.

Theo Điều 1 Thông tư số 153/2011/TT-

BTC những loại đất phi nông nghiệp sau phải chịu thuế sử dụng đất, gồm:

- Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị;
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, gồm:
 - + Đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh bao gồm đất để xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xây dựng cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ và các công trình khác phục vụ cho sản xuất, kinh doanh;
 - + Đất để khai thác khoáng sản, đất làm mặt bằng chế biến khoáng sản, trừ trường hợp khai thác khoáng sản mà không ảnh hưởng đến lớp đất mặt hoặc mặt đất;
 - + Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm bao gồm đất để khai thác nguyên liệu và đất làm mặt bằng chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm,...

Như vậy, không phải tất cả các loại đất phi nông nghiệp đều phải nộp thuế. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp thuế khi sử dụng đất ở, đất phi nông nghiệp nhằm mục đích sản xuất, kinh doanh.

Tiền thuế SDĐPNN phải nộp đối với diện tích đất ở, đất sản xuất kinh doanh, đất phi nông nghiệp khác sử dụng vào mục đích kinh doanh được xác định như sau:

Số thuế phải nộp = Số thuế phát sinh - Số thuế miễn, giảm (nếu có)

Trong đó:

Số thuế phát sinh = Diện tích đất tính thuế x Giá của 1m² đất x thuế suất

Theo đó, để tính được số thuế phát sinh cần biết diện tích, giá của 1m² đất và thuế suất. Cụ thể:

Diện tích đất tính thuế: Theo Điều 5 Thông tư số 153/2011/TT-BTC, diện tích đất tính thuế là diện tích đất phi nông nghiệp thực tế sử dụng.

Giá của 1 m² đất tính thuế: Là giá đất theo mục đích sử dụng của thửa đất tính thuế do UBND cấp Tỉnh quy định và được ổn định theo chu kỳ 5 năm, kể từ ngày 01/01/2012.

2. Tình hình sử dụng đất phi nông nghiệp tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Theo kết quả thống kê của Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tính đến năm 2020, toàn tỉnh có tổng diện tích đất tự nhiên 228.882 ha. Hiện trạng sử dụng đất từng lĩnh vực cụ thể như Bảng 1.

Theo kết quả Bảng 1, hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bao gồm:

- Đất nông nghiệp có: 129.432 ha, chiếm 56,55% diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp có: 68.148 ha, chiếm 29,77% diện tích đất tự nhiên.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	129.432	56,55%
2	Đất phi nông nghiệp	68.148	29,77%
3	Đất chưa sử dụng	517	0,23%
4	Đất đô thị	30.785	13,45%
	Tổng cộng	228.882	100

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

• Đất chưa sử dụng có 517 ha chiếm 0,23% diện tích đất tự nhiên.

• Đất đô thị có 30.785 ha chiếm 13,45% diện tích đất tự nhiên.

Căn cứ theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về Quy định Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (ngày 01/01/2020 - 31/12/2024) thì giá đất phi nông nghiệp tại khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo được xác định như Bảng 2.

Bảng 2. Bảng giá đất phi nông nghiệp khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo

(Đvt: 1.000 đ/m²)

Áp dụng đối với Thành phố Vũng Tàu					
Nông thôn	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	3.600	2.340	1.800	1.332	1.080
Khu vực 2	2.200	1.430	1.100	814	660
Đô thị					
Đường loại 1	27.400	17.810	13.700	10.138	8.220
Đường loại 2	19.700	12.805	9.850	7.289	5.910
Đường loại 3	15.100	9.825	7.550	5.587	4.530
Đường loại 4	11.800	7.670	5.900	4.366	3.540
Áp dụng đối với Huyện Côn Đảo					
Đường loại 1	4.500	2.925	2.250	1.665	1.350
Đường loại 2	3.200	2.080	1.600	1.184	960

Nguồn: Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND

Bảng giá đất phi nông nghiệp như trên sẽ là cơ sở để Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo xác định được mức thuế SDĐPNN mà người nộp thuế phải đóng hàng năm hoặc đóng cho cả chu kỳ ổn định 5 năm.

3. Thực trạng công tác quản lý thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại Chi cục Thuế khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu

Thứ nhất, về nhân sự: Số cán bộ công chức và người lao động đến thời điểm hiện tại Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo có 131 cán bộ công chức và người lao động, gồm 12 phòng/đội thực hiện quản lý thu thuế đối với các lĩnh vực, sắc thuế khác nhau. Trong đó, có 3 đội thuế khu vực và 1 đội thuế thu trước bạ khác thực hiện quản lý thu thuế SDĐPNN, có 4 cán bộ quản lý thu thuế SDĐPNN phụ trách 17 phường xã, thành phố và huyện Côn Đảo; 3 lãnh đạo đội thuế phụ trách quản lý điều hành kiêm nhiệm chung với cách quản lý lồng ghép nhằm thu gọn lại bộ máy hành chính nhà nước. Ngoài ra, có 1 cán bộ và lãnh đạo đội thuế trước bạ và thu khác phụ trách chung về thuế SDĐPNN đối

với tổ chức (doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố Vũng Tàu).

Thứ hai, về cơ sở vật chất: Hiện nay, cán bộ, công chức tại Chi cục Thuế đều được trang bị máy tính bàn và một số trang thiết bị cá nhân nhằm tạo điều kiện cho công tác quản lý được nhanh chóng và dễ dàng. Bên cạnh đó, việc cơ quan thuế áp dụng phần mềm quản lý thuế ứng dụng (TMS) tập trung rất hiệu quả, thiết thực, chống sai sót dẫn đến thất thu NSNN.

Thứ ba, về tình hình lập bộ thuế SDĐPN: Tình hình lập bộ thuế SDĐPN tại Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo trong các năm 2019 và 2020 được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả lập bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2019 (bộ)	Năm 2020 (bộ)	So sánh 2020 – 2019	
			Tuyệt đối (bộ)	Tương đối (%)
Tổ chức	2.047	2.252	205	110
Hộ gia đình, cá nhân	80.172	81.889	1.717	102
Tổng cộng	82.219	84.141	1.922	102,3

Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo

Nhìn chung, số bộ thuế SDĐPN qua các năm đều có sự gia tăng, điều đó chứng tỏ được một phần ở sự quản lý sát sao của Chi cục đối với đối tượng nộp thuế SDĐPN, không để xảy ra tình trạng bỏ sót các đối tượng cần quản lý thuế.

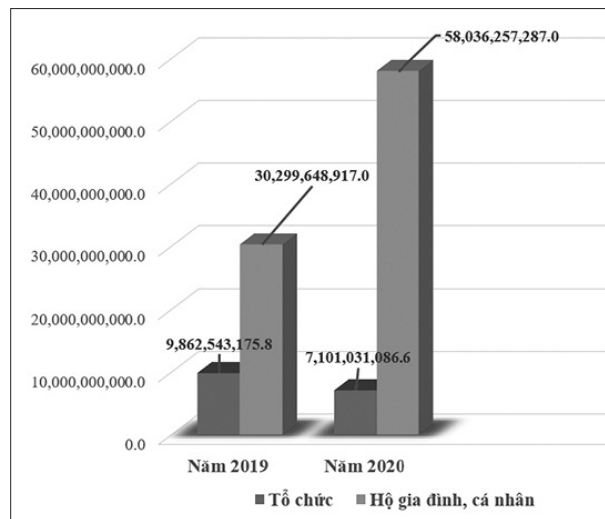
Thứ tư, về tình hình thu thuế SDĐPN: Kết quả đóng góp cho NSNN của thuế SDĐPN là: tổng số tiền thu được trong năm 2020 là 65.137.288.373,6 đồng, tăng 24.975.096.280,8 đồng so với năm 2019 (đạt 162,2%) (Hình 1). Mặc dù có sự gia tăng về tổng số tiền thuế SDĐPN, tuy nhiên lại có sự chênh lệch giữa đối tượng tổ chức và hộ gia đình, cá nhân. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế SDĐPN thu từ các tổ chức trong năm 2020 giảm 2.761.512.089,2 đồng so với năm 2019, chỉ đạt 72%.

- Số tiền thuế SDĐPN thu từ hộ gia đình, cá nhân tăng từ 30.299.648.917 đồng trong năm 2019 lên 58.036.257.287 đồng trong năm 2020, đạt 191,5%.

Trong năm 2021, kết quả đóng góp NSNN của thuế SDĐPN tại Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo gặp nhiều biến động và khó khăn. Trong 6 tháng đầu năm, số thuế thu về tương đối ổn định. Tuy nhiên, từ tháng 7/2021, do phải thực hiện giãn

Hình 1: Kết quả thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp



Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo

cách theo Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ nhằm phục vụ cho công tác phòng chống dịch Covid-19, số thuế SDĐPN thu về của đơn vị giảm mạnh. Cụ thể như sau:

- Về thuế SDĐPN thu từ tổ chức, doanh nghiệp: trong tháng 9/2021 không ghi nhận số thuế thu về.

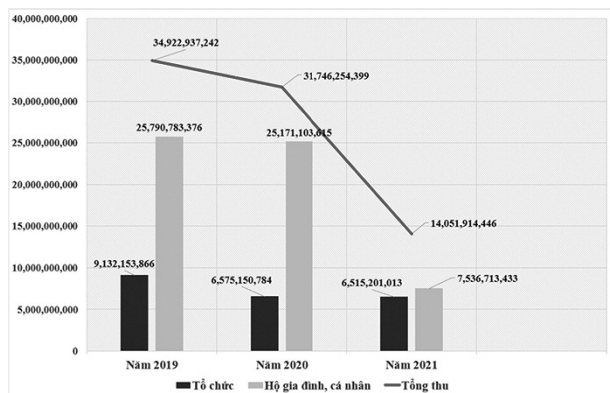
- Về thuế SDĐPN thu từ hộ gia đình, cá nhân: số thuế thu về trong tháng 9/2021 chỉ được 9.798.988 đồng, giảm hơn 96% so với tháng 8/2021 và chỉ đạt 0,43% so với cùng kỳ năm 2020.

Kết quả thu thuế SDĐPN trong 9 tháng đầu năm 2021 tại Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo so với cùng kỳ năm 2019 và năm 2020 được thể hiện ở biểu đồ Hình 2.

Như vậy, với phương pháp thu thuế thông qua các phương thức như hiện nay (thu thuế trực tiếp, thu qua bưu điện hoặc qua chuyển khoản trực tiếp tại ngân hàng) đã không còn phù hợp trong điều kiện hạn chế ra ngoài như hiện nay. Do đó, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo cần nghiên cứu và xây dựng các giải pháp nhằm quản lý người nộp thuế và quản lý việc thu thuế dựa trên các nền tảng kỹ thuật số, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình.

Ngoài ra, đối với các nội dung khác của công tác quản lý thuế SDĐPN của Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo như quy trình quản lý thuế, công tác kiểm tra thuế đã được thực hiện đúng quy

Hình 2: Kết quả thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2021



Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo

định và đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, tình trạng nợ đọng vẫn còn khó xử lý, số hồ sơ nộp thuế muộn vẫn còn nhiều, gây khó khăn cho công tác tổng hợp, kết toán thuế của đơn vị.

Kết luận tổng quát về thực trạng công tác quản lý thuế SDĐPNN tại Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo như sau:

(a) Kết quả đạt được

Một là, tạo sự công bằng trong việc sử dụng đất phi nông nghiệp theo đúng mục đích sử dụng đất, thực hiện đúng quy định Luật Thuế SDĐPNN số 48/2010/QH12 ngày 17/06/2010 của Quốc hội ban hành. Để đi vào thực tiễn, ngày 11/11/2011 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 153/2011/TT-BTC về việc hướng dẫn thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Thông tư hướng dẫn có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012.

Hai là, Chi cục Thuế đã làm tốt việc đôn đốc người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế SDĐPNN theo đúng quy định, cập nhật kịp thời danh bạ người nộp thuế;

Ba là, số tiền thuế thu được đều tăng qua các năm, thể hiện được vai trò của các cấp lãnh đạo cũng như cán bộ quản lý thuế SDĐPNN trong việc tăng thu cho NSNN;

Bốn là, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức thuế phụ trách thuế SDĐPNN được nâng cao, đặc biệt là trình độ tin học;

Năm là, việc triển khai Luật Thuế SDĐPNN, Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 về việc hướng dẫn thu thuế SDĐPNN trên địa bàn nhận được sự đồng tâm hiệp lực của lãnh đạo các cấp, các ngành và các địa phương.

(b) Một số tồn tại

Thứ nhất, như đã đề cập ở phần trên, công tác thu thuế SDĐPNN tại Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo còn có sự chênh lệch giữa đối tượng nộp thuế là các tổ chức và hộ gia đình, cá thể. Trong khi tốc độ tăng về số lượng các tổ chức trong năm 2020 so với năm 2019 là 10%, số thuế thu về lại giảm 28%. Ở chiều ngược lại, tốc độ tăng về số hộ gia đình, cá nhân nộp thuế SDĐPNN trên địa bàn trong năm 2020 chậm hơn so với tốc độ tăng của các tổ chức (chỉ tăng 2%) nhưng số thuế thu về lại tăng hơn 90%. Do đó, Chi cục Thuế cần cân nhắc trong việc quản lý sát sao hơn đối tượng nộp thuế là tổ chức và có chế tài xử lý phù hợp, tránh tình trạng trốn thuế của các tổ chức.

Thứ hai, về công tác tuyên truyền từ cán bộ ủy nhiệm thu thuế ở cấp phường, xã chưa thực hiện tốt, trong đó có công tác hướng dẫn cho người nộp thuế một cách tận tụy đặc biệt là thông tin về giá đất và cách xác định giá đất tùy thuộc vào từng vị trí của thửa đất phi nông nghiệp. Điều này dẫn đến việc người nộp thuế tự khai và tự nộp thuế không chính xác.

Thứ ba, là công tác theo dõi sự biến động về chủ sở hữu đất phi nông nghiệp. Nhiều trường hợp chủ sử dụng đất sang nhượng đất phi nông nghiệp trên địa bàn cho người ở địa phương khác, nhưng hai bên không làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất. Tình trạng này gây khó khăn cho công tác xác minh chủ đất, kê khai tính thuế, lập bộ để thu thuế.

Thứ tư, vẫn còn một số vướng mắc, bất cập trong Luật Thuế SDĐPNN, gây khó khăn cho công tác quản lý của Chi cục Thuế như: Người thuê đất đã nộp tiền sử dụng đất thuê lại phải nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là thu trùng 2 khoản (đều là thu NSNN về sử dụng đất), vì vậy gây phản ứng và thắc mắc từ người người nộp thuế.

(c) Nguyên nhân của tồn tại

Một số nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại trong quản lý thuế SDĐPNN tại Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo có thể được chia thành 2 nhóm chính: nhóm nguyên nhân bên trong (nguyên nhân chủ quan) và nhóm nguyên nhân bên ngoài (nguyên nhân khách quan).

Về nhóm nguyên nhân bên trong, chủ yếu đến từ vấn đề nhân sự quản lý thuế SDĐPNN tại đơn vị.

Thứ nhất, có thể nhận thấy đội ngũ nhân lực phụ trách thuế SDĐPNN khá mỏng. Đây chính là lý do

vì sao hiệu quả thu thuế SDĐPNN đối với tổ chức chưa đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, do có sự luân chuyển vị trí làm việc của cán bộ, công chức trong đơn vị đảm bảo được sự công bằng, minh bạch trong quản lý thuế, tránh được trường hợp cán bộ công tác ở một vị trí trong thời gian dài có thể phát sinh những việc làm tiêu cực. Tuy nhiên, việc luân chuyển này sẽ tạo khó khăn cho cán bộ thuế trong quá trình tiếp nhận và quản lý sát sao các đối tượng chịu thuế SDĐPNN.

Về nhóm nguyên nhân bên ngoài, có thể đưa ra hai nguyên nhân chính.

Một là, từ các quy định của Nhà nước về cách tính thuế SDĐPNN. Điều này có thể gây tâm lý bất mãn đối với những tổ chức, hộ gia đình và cá nhân chịu thuế đất sử dụng đất nông nghiệp.

Hai là, tính tuân thủ thuế của người nộp thuế SDĐPNN, thể hiện ở việc chậm nộp thuế theo thời gian quy định, không đóng đủ thuế, hoặc không điều chỉnh, khai báo khi đã chuyển quyền sở hữu đất.

4. Kết luận và kiến nghị

Quản lý thuế SDĐPNN là một hoạt động khá phức tạp do việc tính thuế căn cứ vào giá đất được UBND Tỉnh quy định, gây nên nhiều khó khăn cho cả cán bộ, công chức thuế và người nộp thuế. Trong khi đó, hiệu quả mang lại vẫn chưa được như mong đợi. Qua đánh giá cho thấy, mức thuế SDĐPNN hiện hành là rất thấp, với nguồn thu trong phạm vi cả nước chỉ khoảng 1.500 tỷ đồng/năm, chiếm 0,036% GDP. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, số thu thuế đối với việc sử dụng đất của các nước chiếm khoảng 2 - 4% GDP, Nhật Bản lên đến 8%. Mức thuế SDĐPNN thấp dẫn đến mục tiêu của thuế SDĐPNN chưa đạt được, nhất là mục tiêu góp phần điều tiết cao đối với người có quyền sử dụng thửa đất hoặc có quyền sử dụng với nhiều thửa đất, thúc đẩy tổ chức, cá nhân trong xã hội sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế SDĐPNN tại Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo, tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

(1) Kiện toàn lại bộ máy nhân sự phụ trách thuế SDĐPNN, cụ thể là bổ sung thêm nguồn nhân lực cho bộ phận này. Chi cục Thuế có thể tuyển dụng mới nhân sự hoặc điều chuyển nhân sự trong nội bộ đơn vị.

(2) Nâng cao kỹ năng chuyên môn cũng như kỹ năng mềm cho cán bộ, công chức thuế, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp và kỹ năng truyền đạt thông tin. Do đó, Chi cục Thuế cần có những khóa đào tạo cán bộ, công chức thuế trong việc xác định cụ thể từng đối tượng nộp thuế, phân tích những đặc điểm của họ, để từ đó xây dựng được các phương án, kịch bản để truyền đạt thông tin đến người nộp thuế một cách ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu nhất.

(3) Về công tác tuyên truyền, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo cần xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn, cập nhật cụ thể giá đất ở từng khu vực để người nộp thuế có thể biết rõ được những điểm mới trong quy định về thuế SDĐPNN.

(4) Phối hợp với chính quyền địa phương như Công an phường, UBND phường cùng các tổ trưởng tổ dân phố trong việc theo sát sự thay đổi về chủ sở hữu của đất phi nông nghiệp trên địa bàn hay sự thay đổi về nơi cư trú của chủ sở hữu đất phi nông nghiệp để có thể theo sát và liên hệ được với họ, tránh tình trạng còn nợ thuế đọng mà không thể tìm được đúng người cần nộp thuế.

(5) Nghiên cứu và xây dựng các giải pháp quản lý người nộp thuế dựa trên nền tảng của cách mạng công nghiệp 4.0 như triển khai các ứng dụng khai báo và nộp thuế trên điện thoại, quản lý người nộp thuế bằng mã QR,...

Cuối cùng, nhưng cũng không kém phần quan trọng, đó là Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo nên ghi nhận những trường hợp bất cập, bản thân cán bộ, công chức thuế thấy không hợp lý để kiến nghị lên các cấp cao hơn. Đây là cơ sở để Nhà nước có thể ngày càng hoàn thiện hơn những quy định về quản lý thuế SDĐPNN, từ đó đạt được mục tiêu định hướng từ ban đầu, đồng thời đảm bảo được tính công bằng cho tất cả đối tượng nộp thuế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Tài chính (2011). *Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/07/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Sử dụng đất phi nông nghiệp.*

2. Bộ Tài chính (2016). *Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế.*
3. Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo (2022), *Báo cáo công tác thu thuế hàng năm.*
4. Chính phủ (2011). *Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/07/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Sử dụng đất phi nông nghiệp.*
5. Quốc hội (2010). *Luật Thuế Sử dụng đất phi nông nghiệp.*
6. UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2019). *Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về Quy định Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (ngày 01/01/2020 - 31/12/2024).*

Ngày nhận bài: 6/5/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/6/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/6/2022

Thông tin tác giả:

1. ĐÀO THỊ THIẾT

2. LÊ THỊ TUYẾT NHUNG

Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo

GENERAL ASSESSMENT OF THE NON-AGRICULTURAL LAND USE TAX MANAGEMENT AT THE TAX DEPARTMENT OF VUNG TAU - CON DAO AREA

● DAO THI THIET¹

● LE THI TUYET NHUNG¹

¹Tax Department of Vung Tau - Con Dao area

ABSTRACT:

Land is an invaluable resource of any nation. All countries pay attention to how to effectively manage the use of land, and regulate the benefits from the land in a reasonable way to increase the revenue for the state budget. After nearly 10 years of implementation, the non-agricultural land use tax policy has brought about positive effects. However, this policy has also revealed some shortcomings. This paper assesses the management of non-agricultural land use tax at the Tax Department of Vung Tau - Con Dao area to identify existing shortcomings and directions to overcome these problems in the future.

Keywords: tax management, non-agricultural land use tax, Tax Department of Vung Tau - Con Dao area.